

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN 30/06/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01- 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
1. Bảng cân đối kế toán	05 - 08
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Lê Vinh Hiển	Thành viên
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Huân	Phó Tổng Giám đốc

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 28 (đính kèm).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần	87.409.699.040 VND
Lợi nhuận trước thuế theo sổ kế toán	19.551.758.004 VND

3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
 - ❖ Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.
 - ❖ Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.
4. **Công ty kiểm toán**

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 cho Công ty.

5. **Ý kiến của Hội đồng Quản trị**

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



ĐOÀN THÀNH ĐẠT

Ngày 17 tháng 9 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang**

Công ty Hợp Danh Kiểm toán Việt Nhất đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày được lập vào ngày 30/07/2010 từ trang 05 đến trang 28 đính kèm.

Như đã trình bày trong báo cáo của Hội đồng Quản trị tại trang 01 và 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của Chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

1. Như đã nêu tại mục **4.3** Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị quyền sử dụng 5.666,10 m² đất tại KDC Mỹ Thạnh Hưng theo sổ kế toán là 179.919.325 đồng. Tuy nhiên giá trị hiện hành tính theo khung giá đất của Nhà nước lô đất trên theo hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐTC ngày 09/02/2010 với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang, là 22.664.400.000 đồng. Sự khác biệt này là do phần lớn chi phí để có được quyền sử dụng đất này đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động các năm trước.

Điều này dẫn đến việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất trên sổ sách tại ngày 30/06/2010 chưa hợp lý và làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh các năm.

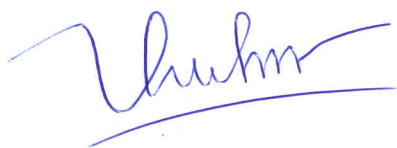
2. Như đã nêu tại mục **4.2 (c)** Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng của Công trình Hồ chứa nước thô Củ Chi là 770.868.193 đồng. Khoản phải thu này đã được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty qua nhiều năm nhưng vẫn

2. Như đã nêu tại mục 4.2 (c) Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng của Công trình Hồ chứa nước thô Cù Chi là **770.868.193** đồng. Khoản phải thu này đã được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty qua nhiều năm nhưng vẫn chưa được thu hồi. Công ty cũng chưa lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản công nợ này.

Do đó những tổn thất, nếu có, phát sinh từ khoản công nợ này sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tiền Giang tại ngày 30/06/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

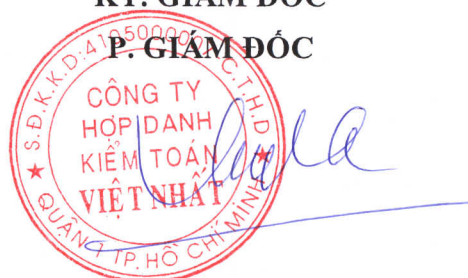


TRẦN THỊ THU HẰNG

Chứng chỉ KTV số: 0790/ KTV

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ THỦY TIÊN

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217.860.661.336	227.548.294.267
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.826.648.863	47.456.323.617
1.	Tiền	111	4.1	4.101.443.758	3.626.723.617
2.	Các khoản tương đương tiền	112		46.725.205.105	43.829.600.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	102.564.299.760	127.953.531.935
1.	Phải thu khách hàng	131		45.685.486.478	60.893.126.940
2.	Trả trước cho người bán	132		26.857.074.947	29.110.526.498
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	3.602.962.008
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		770.868.193	770.868.193
5.	Các khoản phải thu khác	135		33.689.153.954	38.610.946.533
6.	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.438.283.812)	(5.034.898.237)
IV.	Hàng tồn kho	140	4.3	58.213.013.416	43.247.125.823
1.	Hàng tồn kho	141		58.213.013.416	43.247.125.823
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	6.256.699.297	3.891.312.892
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.199.417.482	364.902.056
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.209.346.466	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		298.107.390	298.107.390
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		3.549.827.959	3.228.303.446

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.354.885.576	82.537.077.002
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.156.116.100	4.998.663.535
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.713.517.359	4.380.936.964
- Nguyên giá	222		4.089.960.344	11.456.876.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.376.442.985)	(7.075.939.819)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	93.523.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(93.523.963)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	442.598.741	617.726.571
III. Bất động sản đầu tư	240	4.7	802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	71.010.245.695	70.074.500.507
1. Đầu tư vào công ty con	251		70.410.245.695	69.521.060.507
Đầu tư vào công ty liên kết, liên				
2. doanh	252		600.000.000	553.440.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính				
4. dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.9	7.386.415.781	6.661.804.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		179.980.898	135.064.448
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.206.434.883	6.526.740.512
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		299.215.546.912	310.085.371.269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
 Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		190.838.811.676	215.316.250.130
I. Nợ ngắn hạn	310		127.758.881.416	158.420.216.470
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	3.583.768.971	6.963.281.095
2. Phải trả người bán	312	4.11	9.474.041.193	49.138.949.334
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	36.619.952.368	42.432.758.956
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	15.004.739.471	8.316.822.221
5. Phải trả người lao động	315	4.11	1.373.451.517	2.935.487.777
6. Chi phí phải trả	316	4.11	24.289.207.984	16.894.248.687
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	32.330.445.336	25.451.146.993
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.11	135.727.000	135.727.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	4.947.547.576	6.151.794.407
II. Nợ dài hạn	330		63.079.930.260	56.896.033.660
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.10	62.694.316.590	56.487.235.990
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		385.613.670	408.797.670
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.376.735.236	94.769.121.139
I. Vốn chủ sở hữu	410		108.376.735.236	94.769.121.139
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		300.000.000	300.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.720.741
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.034.131.506	16.034.131.506
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.360.770.394	3.360.770.394
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.14	18.681.833.336	5.069.498.498
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		299.215.546.912	310.085.371.269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng


Đào Thị Kiều Linh

Tổng Giám đốc




Đoàn Hành Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	87.519.143.915	69.432.596.916
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		109.444.875	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	87.409.699.040	69.432.596.916
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	62.518.611.641	60.016.229.393
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.891.087.399	9.416.367.523
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.701.607.977	646.230.290
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	1.041.347.762	797.320.532
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.041.347.762	309.214.532
8.	Chi phí bán hàng	24	5.5	2.348.430.790	1.080.529.291
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	5.716.505.247	2.379.696.190
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.486.411.577	5.805.051.800
11.	Thu nhập khác	31	5.7	2.429.327.865	89.087.489
12.	Chi phí khác	32	5.8	2.363.981.438	377.324.289
13.	Lợi nhuận khác	40		65.346.427	(288.236.800)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.551.758.004	5.516.815.000
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	6.619.117.537	1.821.625.069
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(679.694.370)	(733.787.201)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.14	13.612.334.837	4.428.977.132
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.945	633

Ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng


 Đào Chi Kiên Trinh

Tổng Giám đốc



 Đoàn Thành Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	19.551.758.005	5.516.815.000
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	163.367.051	298.485.216
-	Các khoản dự phòng	03	(596.614.425)	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.226.613.949)	(637.104.290)
-	Chi phí lãi vay	06	1.041.347.762	309.214.532
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	17.933.244.444	5.487.410.458
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.776.500.134	(8.338.790.788)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.965.887.593)	2.993.875.614
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(33.587.943.129)	16.092.980.897
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(879.431.876)	(850.103.251)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(1.041.347.762)	(2.233.312.062)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(336.181.339)	(1.563.829.547)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.357.951.003
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(305.769.008)	(3.142.013.771)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(8.406.816.129)	11.804.168.553
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(543.198.196)	(5.820.546.961)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	64.754.305	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.003.440.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.424.576.790	925.491.323
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	3.949.572.899	(4.895.055.638)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.270.199.417
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.528.500.941)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.914.130.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.827.568.476
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.629.674.754)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	52.456.323.617
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	50.826.648.863

Ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng


 Đào Thị Kiều Trinh

Tổng Giám đốc



 Đoàn Hành Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 20/05/2010.

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng.

Trụ sở đặt tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Ngành nghề hoạt động

Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đầu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thiết bị và dụng cụ quản lý

03 - 06

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

3.7 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

Phân loại các khoản đầu tư

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

3.9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và được khách hàng xác nhận cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.10 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 30/06/2010 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/06/2010 là 71.981.845.660 đồng và chi phí ước tính là 35.772.253.254 đồng;

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng = $\frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong 6 tháng đầu năm 2010 là 23.805,62 m².

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.11 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Tiền mặt tại quỹ	244.568.207	59.694.016
Tiền gửi ngân hàng	3.856.875.551	3.567.029.601
Các khoản tương đương tiền	46.725.205.105 (*)	43.829.600.000
Cộng	<u>50.826.648.863</u>	<u>47.456.323.617</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang	10.349.946.040
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	5.000.000.000
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long	31.375.259.065

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Phải thu khách hàng	45.685.486.478 (a)	60.893.126.940
Trả trước cho người bán	26.857.074.947 (b)	29.110.526.498
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	3.602.962.008
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	770.868.193 (c)	770.868.193

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản phải thu khác	33.689.153.954 (d)	38.610.946.533
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.438.283.812) (e)	(5.034.898.237)
Cộng	102.564.299.760	127.953.531.935
(a) Phải thu khách hàng, chủ yếu:		
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco		21.557.758.365
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco		1.602.504.585
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40		1.036.754.000
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 10		1.608.277.000
Ban Quản lý các dự án Công trình Giao thông Tiền Giang		1.075.879.323
Công ty TNHH Khánh Giang		4.014.391.363
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng		3.242.648.000
(b) Trả trước cho người bán, chủ yếu:		
Công ty CP ĐT & XD Ticco An Giang		2.234.512.411
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco		17.179.519.316
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco		2.072.000.000
Lê Văn Điệp		1.783.490.924
(c) Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng của Công trình Hồ chứa nước thô Củ Chi.		
(d) Phải thu khác, chủ yếu:		
Phải thu lợi nhuận từ các công ty con, trong đó :		21.874.715.593
+ Lợi nhuận năm 2008, 2009 của Công ty TNHH MTV Bê Tông		20.384.907.995
+ Lợi nhuận năm 2009 của Công ty Xây Dựng Giao thông		1.292.099.094
+ Lợi nhuận năm 2009 của Công ty CP ĐT & XD Ticco An Giang		197.708.504
Phải thu ông Huỳnh Phú Gia – Tiền góp vốn hộ		2.109.099.007
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang (Nợ và lãi vay)		6.572.972.662
Cán bộ CNV vay		1.533.195.600
Tạm ứng cổ tức của quý 1 và 2/2010 cho các cổ đông		640.606.500
(e) Bao gồm dự phòng các khoản nợ khó đòi sau:		
Công ty CP XD Thủy lợi 42		325.835.800
Công ty CP ĐT & XD 40		368.611.375
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang		925.883.360
Công ty TNHH Khánh Giang		2.810.073.954
Ban QL các dự án ĐT & XD Công trình Giao thông Tiền Giang		7.879.323

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.3 Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu	583.824.302	409.998.415
Công cụ, dụng cụ	4.487.906.164	4.674.164.240
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.754.220.290 (*)	37.983.043.843
Hàng hóa	387.062.660	179.919.325
Cộng	58.213.013.416	43.247.125.823

(*) Bao gồm giá trị của các công trình xây dựng dở dang, chủ yếu :

Công trình KDC Long Thành Hưng	29.862.235.260
Công trình KDC đường Trương Định nối dài	15.677.043.115
Công trình Khu nhà vườn Huyện Tân Phước	2.115.153.000
Quyền sử dụng đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	179.919.325

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.199.417.482 (a)	364.902.056
Thuế GTGT được khấu trừ	1.209.346.466	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	298.107.390 (b)	298.107.390
Tài sản ngắn hạn khác	3.549.827.959 (c)	3.228.303.446
Cộng	6.256.699.297	3.891.312.892

(a) Bao gồm:

Chi phí trả trước KDC Long Thành Hưng	141.196.000
Chi phí quảng cáo hội chợ trái cây	609.090.909
Khác	449.130.573

(b) Tạm nộp thuế GTGT đầu ra đối với các công trình đang thi công tại các địa phương khác.

(c) Bao gồm:

Tạm ứng	2.163.524.697
Ký quỹ ngắn hạn	1.386.303.262

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, VKT	MMTB	PTVT	TBQL	Tổng cộng
Nguyên giá					
SDDK	1.061.812.189	1.780.291.098	8.096.524.286	518.249.210	11.456.876.783
Tăng trong kỳ	-	21.700.000	670.226.026	48.100.000	740.026.026
- Mua sắm	-	-	-	48.100.000	48.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- XDCB	-	-	670.226.026	-	670.226.026
- Phân loại	-	21.700.000	-	-	21.700.000
Giảm trong kỳ	-	1.259.461.995	6.420.449.629	427.030.841	8.106.942.465
- Thanh lý	-	293.063.792	228.000.000	34.678.000	555.741.792
- Góp vốn đầu tư vào Công ty con	-	966.398.203	6.170.749.629	392.352.841	7.529.500.673
- Phân loại	-	-	21.700.000	-	21.700.000
SDCK	1.061.812.189	542.529.103	2.346.300.683	139.318.369	4.089.960.344
Hao mòn lũy kế					
SDĐK	878.054.270	551.332.241	5.275.210.175	371.343.133	7.075.939.819
Tăng trong kỳ	20.206.725	52.219.246	98.454.946	14.186.134	185.067.051
Khấu hao	20.206.725	30.519.246	98.454.946	14.186.134	163.367.051
Phân loại	-	21.700.000	-	-	21.700.000
Giảm trong kỳ	-	338.055.129	4.264.983.819	281.524.937	4.884.563.885
- Thanh lý	-	289.735.219	228.000.000	34.678.000	552.413.219
- Góp vốn đầu tư vào Công ty con	-	48.319.910	4.015.283.819	246.846.937	4.310.450.666
- Phân loại	-	-	21.700.000	-	21.700.000
SDCK	898.260.995	265.496.358	1.108.681.302	104.004.330	2.376.442.985
Giá trị còn lại					
SDĐK	183.757.919	1.228.958.857	2.821.314.111	146.906.077	4.380.936.964
SDCK	163.551.194	277.032.745	1.237.619.381	35.314.039	1.713.517.359

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc	441.521.251
Máy móc, thiết bị	188.294.545
Phương tiện vận tải	377.201.756
Thiết bị quản lý	27.612.037
Cộng	1.034.629.589

Nguyên giá TSCĐ cầm cố, thế chấp:

Nhà cửa, vật kiến trúc	1.061.812.189
Máy móc, thiết bị	660.409.583
Phương tiện vận tải	8.096.524.286

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thiết bị quản lý	437.417.608
Cộng	10.256.163.666

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Công trực 20T) 442.598.741

4.7 Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Hao mòn lũy kế (*)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện trích khấu hao theo TT 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

4.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010		01/01/2010
Đầu tư vào công ty con	70.410.245.695	(a)	69.521.060.507
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	600.000.000	(b)	553.440.000
Cộng	71.010.245.695		70.074.500.507

(a) Góp vốn vào các công ty con sau:

	Tỷ lệ góp vốn	Vốn góp thực tế
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	100,00 %	38.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	100,00 %	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ticco An Giang	62,05 %	12.410.254.695

(b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco, chiếm tỷ lệ 46,15%.

4.9 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2010		01/01/2010
Chi phí trả trước dài hạn	179.980.898		135.064.448
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.206.434.882	(*)	6.526.740.512
Cộng	7.386.415.780		6.661.804.960

(*) Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

	30/06/2010	01/01/2010
Số dư đầu kỳ	6.526.740.512	1.065.478.080
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.712.787.050	5.620.377.309

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	1.033.092.679	159.114.877
Số dư cuối kỳ	7.206.434.883	6.526.740.512

4.10 Nợ vay

	30/06/2010	01/01/2010
Vay và nợ ngắn hạn	3.583.768.971 (a)	6.963.281.095
Vay dài hạn	50.272.468.090 (b)	42.151.257.490
Nợ dài hạn	12.421.848.500 (c)	14.335.978.500
Cộng	66.278.085.561	63.450.517.085

(a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tiền Giang

Theo Hợp đồng vay ngắn hạn hạn mức số 02/2009/HĐ ngày 27/10/2009:

+ Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công công trình, gia công sửa chữa thiết bị thi công;

+ Tài sản đảm bảo:

Thế chấp TSCĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 27/10/2009, tài sản thế chấp theo giá trị định giá của Ngân hàng là 3.358.526.843.

Thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa số 90 Đình Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh TG theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2009/HĐ ngày 27/10/2009.

(b) Bao gồm:

	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Dư nợ đến 30/06/2010
Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL chi nhánh Tiền Giang	Thực hiện dự án KDC Long Thạnh Hưng	Tài sản hình thành từ vốn vay	15.130.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Tiền Giang	Vốn đầu tư đường giao thông KDC Long Thạnh Hưng	GCNQSDĐ số AL 153971 và AN 780852	9.045.626.000
Quỹ ĐT & PT Tiền Giang	Nhận chuyển nhượng đất UBND xã Gò Công	QSDĐ tại khu phố 12B, TP. Mỹ Tho	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngân hàng ĐT & PT Tiền Giang	Mua 02 tàu hút bùn	TS hình thành từ vốn vay	11.096.842.090
			50.272.468.090

(c) Nợ dài hạn

Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/PL-HĐCTTC ngày 27/07/2008. Tài sản cố định thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco sử dụng.

4.11 Nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	9.474.041.193 (a)	49.138.949.334
Người mua trả tiền trước	36.619.952.368 (b)	42.432.758.956
Phải trả người lao động	1.373.451.517	2.935.487.777
Chi phí phải trả	24.289.207.984 (c)	16.894.248.687
Phải trả, phải nộp khác	32.330.445.336 (d)	25.451.146.993
Dự phòng phải trả ngắn hạn	135.727.000 (e)	135.727.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.947.547.576	6.151.794.407
Cộng	109.170.372.974	143.140.113.154

(a) Phải trả người bán, chủ yếu:

Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	5.344.525.714
Công ty ĐTXD Ticco An Giang	689.952.248
Công ty Cơ khí CT thùy 276	462.585.026
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	377.600.500
Công ty CP CN Intec	850.853.333

(b) Người mua trả trước, chủ yếu:

Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Long Thạnh Hưng	3.371.643.228
Ban QL Đầu tư & Xây dựng Thủy Lợi 9	8.598.377.389
Sở NN & PT Nông thôn tỉnh Trà Vinh	5.293.000.000
Sở NN & PT Nông thôn Sóc Trăng	1.982.160.000
Ban QL các dự án ĐT & XD NN Tiền Giang	5.120.670.000
Ban QL các dự án ĐT & XD CTGT Tiền Giang	2.055.000.000

(c) Chủ yếu trích trước chi phí Công trình KDC Long Thạnh Hưng 23.640.396.885.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(d) Phải trả khác, chủ yếu:

Phải trả về cổ phần hóa	13.513.840.655
Quỹ ban điều hành và ban quản lý	780.939.792
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	471.428.696
Phải trả cho Sở Tài chính An Giang	474.505.499
Phải trả Công ty Chứng khoán BIDV (*)	16.900.000.000

(*) Đây là khoản tiền Công ty chứng khoán BIDV mua cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty, đang chờ quyết định chính thức tăng vốn của Hội đồng quản trị và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

(e) Trích dự phòng cho Công trình Kênh Phước Xuyên 28.

4.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.567.426.104	8.284.489.906
Thuế thu nhập cá nhân	436.313.367	32.332.315
Thuế khác	1.000.000	-
Cộng	15.004.739.471	8.316.822.221

4.13 Vốn chủ sở hữu

Cổ đông là nhân viên Văn phòng Công ty	21.776.710.000
Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	7.525.150.000
Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông Ticco	4.178.400.000
Cổ đông là nhân viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	6.454.140.000
Cổ đông là nhân viên Xí nghiệp Cơ khí	2.068.940.000
Cổ đông ngoài	27.996.660.000
Cộng	70.000.000.000

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000)

	30/06/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.000.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.14 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2009	5.069.498.498
Lợi nhuận thực hiện sau thuế giai đoạn đến 30/06/2010	13.612.334.838
Lợi nhuận lũy kế đến ngày 30/06/2010	18.681.833.336

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Tổng doanh thu	87.519.143.915	69.432.596.916
Giảm giá hàng bán	109.444.875	-
Doanh thu thuần bao gồm:	87.409.699.040	69.432.596.916
+ <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	39.319.518.818	47.139.715.425
+ <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	43.676.869.750	16.370.446.450
+ <i>Doanh thu bán vật liệu</i>	2.846.872.999	5.074.052.282
+ <i>Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa</i>	1.564.073.837	846.928.215
+ <i>Doanh thu khác</i>	2.363.636	1.454.544

5.2 Giá vốn hàng bán

	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Giá vốn công trình xây dựng	37.257.665.500	45.487.470.263
Giá vốn kinh doanh bất động sản	20.615.666.920	9.018.428.740
Giá vốn vật liệu	3.315.532.493	4.824.683.320
Giá vốn Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa	1.329.746.728	685.647.070
Cộng	62.518.611.641	60.016.229.393

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	3.071.766.161	637.104.290
Lãi nhượng bán cổ phần	178.945.500	-
Lãi cho vay	424.087.331	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	9.126.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cổ tức	26.808.985	-
Cộng	3.701.607.977	646.230.290
5.4 Chi phí tài chính		
	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Chi phí lãi vay	1.041.347.762	309.214.532
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	488.106.000
Cộng	1.041.347.762	797.320.532
5.5 Chi phí bán hàng		
	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Chi phí nhân viên bán hàng	754.557.126	1.040.793.360
Chi phí dụng cụ bán hàng	40.997.466	17.793.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.023.737	5.028.198
Chi phí bằng tiền khác	1.539.852.461	16.913.750
Cộng	2.348.430.790	1.080.529.291
5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Chi phí lương nhân viên	2.886.742.883	855.979.740
Chi phí vật liệu quản lý	409.402.341	197.232.660
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.034.658	3.645.272
Chi phí khấu hao	144.614.006	282.673.050
Thuế, phí và lệ phí	270.646.692	120.262.734
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(596.614.425)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.728.177	378.774.482
Chi phí bằng tiền khác	2.286.950.915	541.128.252
Cộng	5.716.505.247	2.379.696.190
5.7 Thu nhập khác		
	<i>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</i>	<i>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</i>
Chênh lệch từ góp vốn bằng tài sản	1.406.504.589	-
Tiền bảo hành		27.597.550

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu bồi thường, phạt vi phạm	958.487.763	-
Thu nhập khác	64.335.513	61.489.939
Cộng	2.429.327.865	89.087.489

5.8 Chi phí khác

	<u>Ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>	<u>Ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn	1.409.833.162	-
Xử lý công nợ	-	27.039.001
Hoàn trả tiền thi công công trình	-	107.642.809
Chi phí bảo hành công trình	-	214.124.356
Chi phí bồi thường sạt lở kè Hiệp Thạnh	953.197.063	-
Chi phí khác	951.213	28.518.123
Cộng	2.363.981.438	377.324.289

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Hoạt động SXKD và hoạt động khác	Hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	Cộng
Lợi nhuận trước thuế TNDN 6 tháng năm 2010	(73.563.944)	19.625.321.948	19.551.758.004
Các khoản làm tăng thu nhập tính thuế	-	6.851.148.198	6.851.148.198
Chênh lệch giá vốn KDC LTH	-	6.851.148.198	6.851.148.198
Các khoản làm giảm thu nhập tính thuế	-	-	-
Thu nhập chịu thuế 6 tháng năm 2010	(73.563.944)	26.476.470.146	26.402.906.202
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	-	6.619.117.537	6.619.117.537
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	6.619.117.537	6.619.117.537
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh	-	1.712.787.050	1.712.787.050
Thuế TNDN hoãn lại hoàn nhập	-	(1.033.092.679)	(1.033.092.679)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	679.694.371	679.694.371

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thông tin khác

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	Công ty con	- Thanh lý TSCĐ	1.392.489.437
		- Bán dầu	64.332.913
		- XNVLXD bán vật tư	1.420.355.045
		- XNVLXD thuê thiết bị, vận chuyển	65.165.000
		- XNCKSC gia công	618.351.763
		- XNCKSC cung cấp điện	15.162.567
		- Khối lượng công trình nghiệm thu	43.778.406.197
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	Công ty con	- Bán tài sản cố định	14.015.152
		- Bán vật liệu xây dựng	724.853.454
		- Lãi thuê tài chính trả hộ	972.964.673
		- Thu hộ phí bảo hiểm rủi ro	28.518.123
		- XNCK gia công, sửa chữa	874.012.433
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	Công ty con	- Bán vật liệu xây dựng	810.227.273
		- Lãi chậm trả phải thu	391.630.962
		- Khối lượng công trình nghiệm thu	1.263.990.205

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số dư ngày 30/06/2010
Công ty TNHH MTV	Công ty	- Phải thu khách hàng	1.602.504.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số dư ngày 30/06/2010
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ticco	Công ty con	- Phải thu khách hàng	1.602.504.585
		- Phải thu lợi nhuận nộp về	1.292.099.094
		- Phải thu khác	120.522.821
		- Trả trước khối lượng công trình	17.179.519.316
		- Phải trả khối lượng công trình nghiệm thu	5.344.525.714
Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco	Công ty con	- Phải thu khách hàng	21.557.758.365
		- Phải thu gia công, sửa chữa	175.072.300
		- Phải thu lợi nhuận nộp về	20.384.907.995
		- Phải thu khác	11.471.047
		- Trả trước người bán	2.072.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	Công ty con	- Phải thu khác	6.572.972.662
		- Phải thu cổ tức được chia	197.708.504
		- Ứng trước khối lượng thi công	2.234.512.411
		- Phải trả người bán	686.952.248

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Ngày 30 tháng 07 năm 2010

Kế toán trưởng


 Đào Thị Kiều Trinh

Tổng Giám đốc



 Đoàn Thành Đạt